

TRƯỜNG THPT MUỜNG CHẢ

THỰC ĐƠN TUẦN 02 NĂM HỌC 2026 -2027

STT	Bữa	Thứ 2 (07/09/2026)	Thứ 3 (08/09/2026)	Thứ 4 (09/09/2026)	Thứ 5 (10/09/2026)	Thứ 6 (11/09/2026)	Thứ 7 (12/09/2026)	Chủ nhật (13/09/2026)
1	Bữa trưa	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt gà rang gừng	Đậu phụ rang thịt	Chả cá sốt cà chua	Giò lợn	Chả cá sốt cà chua	Thịt lợn rang trứng	Thịt lợn rang trứng
		Bắp cải luộc	Bắp cải luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc	Bắp cải luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc
		Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải
2	Bữa tối	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt lợn rang trứng	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn rang trứng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng
		Bí đỏ luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc	Bí xanh luộc	Su su luộc	Bí xanh luộc	Bí xanh luộc
		Canh thịt lợn xay Bí đỏ	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Bí xanh



TRƯỜNG BAN QUẢN TRỊ ĐỜI SỐNG

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Trọng Vinh

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 2, ngày 07 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			500	500	-	-	29,000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà	Kg	66.0	86,000	5,676,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu Canh
4			Bắp cải	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,091,000				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	24.3	155,000	3,766,500				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	495.0	4,500	2,227,500				
5			Bí đỏ	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,409,000				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 3, ngày 08 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			500	500	-	-	29,000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	33.2	155,000	5,146,000				Thịt rang đậu phụ
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Đậu phụ	Kg	44.8	22,000	985,600				
5			Bắp cải	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,546,600				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	64.4	86,000	5,538,400				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Su su	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							6,953,400				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 4, ngày 09 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú	
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do					Không có lý do
			500		500	-	-	29,000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thì là	Kg	49.4	110,000	5,434,000				Chả cá sốt cà chua
3			Cà chua	Kg	14.3	28,000	400,400				
4			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Su su	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,249,400				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	34.2	155,000	5,301,000				Thịt xào Su su
3			Su su	Kg	29.7	18,000	534,600				
4			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Bắp cải	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,250,600				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 5, ngày 10 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			500		500	-	-	29,000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Giò lợn nạc	Kg	33.3	180,000	5,994,000				Hấp
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Bắp cải	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,409,000				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	66.0	86,000	5,676,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Bí xanh	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,091,000				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 6, ngày 11 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			500		500	-	-	29,000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thi là	Kg	44.8	110.000	4,928,000				Chả cá sốt cà chua
3			Cà chua	Kg	14.0	28.000	392,000				
4			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155.000	155,000				Nấu canh
5			Bắp cải	Kg	70.0	18.000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							6,735,000				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	25.0	155.000	3,875,000				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155.000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	550.0	4,500	2,475,000				
5			Su su	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,765,000				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 7, ngày 12 tháng 09 năm 2026

Thứ 7, ngày 12 tháng 09 năm 2020

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			500		500	-	-	29,000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	24.0	155,000	3,720,000				Thịt lợn rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	489.0	4,500	2,200,500				
5			Su su	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,335,500				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	33.9	155,000	5,254,500				Thịt xào su su
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
			Su su	Kg	27.5	18,000	495,000				Xào thịt
4			Bí xanh	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,164,500				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Chủ nhật, ngày 13 tháng 09 năm 2026

Chủ nhật, ngày 15 tháng 09 năm 2020

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			500		500	-	-	29000	14,500,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	500	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	24.5	155,000	3,797,500				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	469.0	4,500	2,110,500				
5			Bắp cải	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,323,000				
1	500	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	115			Bùi Bách Tuấn	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	67.0	86,000	5,762,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Bí xanh	Kg	70.0	18,000	1,260,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,177,000				
Tổng cả ngày							14,500,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà